Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2024/QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 10 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (BTP);
- Vụ Pháp chế (BNV);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lê Thành Đô

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp, trình tự và thẩm quyền đánh giá, chấm điểm, xếp loại chất lượng hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương).

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh;

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện);

d) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Việc đánh giá, xếp loại phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương được cấp có thẩm quyền giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể, đồng thời xem xét đến các yếu tố năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trong tham mưu, đề xuất thực hiện nhiệm vụ.

2. Việc đánh giá, xếp loại phải bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác, trách nhiệm, tránh hình thức.

Chương II
TIÊU CHÍ, PHƯƠNG PHÁP, THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI

Điều 3. Tiêu chí đánh giá và chấm điểm

1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện đánh giá, chấm điểm

theo các tiêu chí tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này, gồm:

a) Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Công tác xây dựng tổ chức, tập thể;

d) Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh thực hiện đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này, gồm:

a) Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Công tác xây dựng tổ chức, tập thể;

d) Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra.

3. UBND cấp huyện thực hiện đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định này, gồm:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn;

b) Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Công tác xây dựng tổ chức, tập thể;

d) Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra.

Điều 4. Phương pháp chấm điểm, đánh giá

1. Thang điểm chấm là 100 điểm, trong đó:

a) Điểm tự đánh giá: 94 điểm.

b) Điểm thưởng: 06 điểm.

2. Phương pháp chấm điểm: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm điểm căn cứ vào thang điểm của từng tiêu chí và đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

a) Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt các tiêu chí: Chấm điểm tối đa.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đạt hiệu quả, không đảm bảo tiến độ, chất lượng, số lượng các tiêu chí, các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực: Không được điểm hoặc trừ điểm tương ứng theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

c) Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương không có nội dung liên quan đến tiêu chí chấm điểm (do không được UBND tỉnh giao nhiệm vụ, hoặc được giao nhiệm vụ nhưng không liên quan đến nội dung tiêu chí) thì không chấm điểm theo tiêu chí đó.

Điều 5. Kết quả xếp loại

1. Kết quả điểm để xếp loại của các cơ quan, đơn vị, địa phương là tổng điểm

tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm đạt được} = \left| \frac{\text{Tổng điểm của các tiêu chí chấm điểm}}{100 - (\text{tổng điểm của các tiêu chí không chấm điểm})} \right| \times 100 + \text{Điểm thưởng} - \text{Điểm trừ}$$

Tổng điểm được tính là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ hai sau khi làm tròn số.

2. Xếp loại kết quả chất lượng hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương chia theo 04 mức, cụ thể:

a) Xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Từ 90 điểm trở lên và bảo đảm quy định tại khoản 4, Điều 5 Quy định này. Trường hợp có 02 cơ quan, đơn vị, địa phương trở lên có điểm bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định) xem xét, đề xuất với cấp có thẩm quyền để bảo đảm tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quy định.

b) Xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Từ 70 điểm đến dưới 90 điểm.

c) Xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ: Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

d) Xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ: Dưới 50 điểm.

3. Trong đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Hội đồng thẩm định sẽ xem xét thưởng điểm trong trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích nổi bật trong năm và trừ điểm trong trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương không thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao để xảy ra những vụ việc từ nghiêm trọng trở lên.

4. Kết quả đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ trên tổng số điểm đạt được và được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Số lượng cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá, xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá, xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" theo từng nhóm đối tượng.

Điều 6. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại

a) Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập, giúp Chủ tịch UBND tỉnh thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Thành phần Hội đồng thẩm định: Căn cứ tình hình thực tế, hàng năm Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng thẩm định do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thẩm định:

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tự đánh giá, đề xuất xếp loại theo các tiêu chí quy định;

- Thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại của các cơ quan, đơn vị, địa phương và đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Giúp UBND tỉnh chuẩn bị nội dung báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương để báo cáo cơ quan có thẩm quyền;

- Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, giải trình, bổ sung các tài liệu minh chứng cần thiết để phục vụ công tác thẩm định, đánh giá, xếp loại chất lượng.

3. Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định

Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định, có trách nhiệm tham mưu, giúp Hội đồng thẩm định thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Thời gian, trình tự đánh giá, xếp loại

1. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện hàng năm.

2. Trình tự thực hiện đánh giá, xếp loại

a) Bước 1: Cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá, xếp loại.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo tiêu chí đánh giá, xếp loại, các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá, đề xuất xếp loại theo một trong 04 mức xếp loại quy định tại khoản 2, Điều 5 Quy định này.

b) Bước 2: Thẩm định và đề xuất mức xếp loại

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, xếp loại của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Hội đồng thẩm định xem xét và đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định mức xếp loại đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Bước 3: Cấp có thẩm quyền quyết định xếp loại chất lượng.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm và đối chiếu với các tiêu chí tại Quy định này để tiến hành tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại và gửi hồ sơ về Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định) trước ngày 31/12 hàng năm. Hồ sơ đề nghị thẩm định, đánh giá, xếp loại gồm:

a) Văn bản đề nghị đánh giá, xếp loại.

b) Báo cáo tự đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị, địa phương (trong đó: báo cáo kết quả thực hiện của từng tiêu chí cụ thể).

c) Kết quả điểm tự chấm theo Phụ lục tương ứng.

d) Các tài liệu kiểm chứng theo từng tiêu chí (gửi bằng file điện tử).

đ) Báo cáo giải trình (nếu có).

4. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định, đề xuất đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quý I của năm sau liền kề năm đánh giá, xếp loại.

Điều 8. Quy định khác

1. Hạ 01 mức xếp loại đối với cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc để xảy ra mất ổn định về an ninh, trật tự; để xảy ra các vụ việc khiếu nại, tố cáo, đơn thư vượt cấp, phức tạp, kéo dài.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương bị cấp có thẩm quyền kết luận mất đoàn kết nội bộ hoặc có lãnh đạo quản lý suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

c) Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương bị xử lý kỷ luật hoặc có thành viên tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương đã có kết luận đánh giá, xếp loại nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm, vi phạm hoặc không đảm bảo điều kiện của mức xếp loại đã kết luận thì hủy bỏ kết quả đã xếp loại và thực hiện đánh giá, xếp loại lại.

3. Đối với những nội dung nhiệm vụ mà cơ quan, đơn vị, địa phương không hoàn thành nhiệm vụ được giao do ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các yếu tố khác thì Hội đồng thẩm định xem xét, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ nội dung Quy định này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; có trách nhiệm tự đánh giá và đề xuất xếp loại chất lượng hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý và gửi hồ sơ đánh giá đảm bảo theo yêu cầu.

2. Sở Nội vụ

a) Tham mưu cho Hội đồng thẩm định thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tại khoản 2, Điều 6 Quy định này. Phối hợp, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, giải trình, bổ sung các tài liệu kiểm chứng để phục vụ công tác thẩm định của Hội đồng thẩm định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện đánh giá, chấm điểm theo Quy định đảm bảo thời gian, chất lượng;

kịp thời tham mưu điều chỉnh, sửa đổi nội dung Quy định cho phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế.

3. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi các cơ quan, đơn vị, địa phương về tiến độ triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án và các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Tổng hợp các nhiệm vụ do cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện chậm, muộn so với yêu cầu, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi về tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công và định kỳ thống kê việc chấp hành chế độ báo cáo tháng, quý, 06 tháng, năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Sở Tài chính chủ trì theo dõi tình hình quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công của các cơ quan, đơn vị, địa phương; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cơ chế khoán kinh phí của các cơ quan hành chính, cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Công an tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp việc thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự của các cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

8. Sở Tư pháp theo dõi tiến độ, chất lượng tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và kết quả xử lý các văn bản ban hành trái quy định của các cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại chất lượng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương./.

Phụ lục 1

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO**	**72**
1	Xây dựng, tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo chức năng, nhiệm vụ *Điểm = (Tỷ lệ % giữa văn bản được ban hành với số văn bản đã được chấp thuận xây dựng trong năm * 10 điểm)/100*	10
2	Tham mưu thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của UBND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao *Điểm = (Tỷ lệ % kết quả thực hiện đúng hạn * 15 điểm)/100*	15
3	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	10
3.1	*Nhiệm vụ được theo dõi, đánh giá trên phần mềm theo dõi chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh* *Điểm = (Tỷ lệ % kết quả thực hiện đúng hạn * 5 điểm)/100*	*5*
3.2	*Nhiệm vụ không theo dõi trên phần mềm theo dõi chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh* *Điểm = (Tỷ lệ % kết quả thực hiện đúng hạn * 5 điểm)/100*	*5*
4	Phổ biến, quán triệt, hướng dẫn các văn bản mới của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ *Điểm = (Tỷ lệ % giữa văn bản ban hành với số lượng văn bản mới * 5 điểm)/100*	5
5	Tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo, hoặc ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với các cơ quan liên quan	5
6	Xử lý văn bản, công việc trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) *- Đạt 90% trở lên được tính theo công thức: Điểm = (Tỷ lệ % thực hiện * 3 điểm)/100.* *- Đạt dưới 90% thì không tính điểm (0 điểm).*	3
7	Công tác phối hợp tham mưu, cung cấp thông tin số liệu giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương	3
8	Giải ngân *vốn đầu tư công* *Điểm = (Tỷ lệ % giải ngân vốn đầu tư công * 10 điểm)/100*	10
9	Kết quả đánh giá các chỉ số của cơ quan	6
9.1	*Chỉ số Cải cách hành chính PAR INDEX (đến thời điểm chấm chưa công bố chỉ số CCHC thì lấy của năm trước liền kề)* *Điểm = (Tỷ lệ % điểm của Chỉ số CCHC * 3 điểm)/100*	3
9.2	*Chỉ số chuyển đổi số (đến thời điểm chấm chưa công bố chỉ số CĐS thì lấy của năm trước liền kề)*	3

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
	*Điểm = (Tỷ lệ % điểm của Chỉ số CĐS * 3 điểm)/100*	
10	Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo tháng, quý, 06 tháng, năm đảm bảo chất lượng, thời gian *Điểm = (Tỷ lệ % số báo cáo đạt chất lượng, đúng thời gian trên tổng số báo cáo định kỳ phải thực hiện * 5 điểm)/100*	5
II	**CÔNG TÁC TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH**	**6**
1	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định	3
2	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền	3
2.1	*Tiếp nhận và xử lý đơn thư thuộc thẩm quyền (tỷ lệ đơn thư được giải quyết trên tổng số đơn thư tiếp nhận theo đúng thẩm quyền giải quyết)*	*1.5*
2.2	*Kết quả giải quyết đơn thư (tỷ lệ đơn thư giải quyết đúng quy định của pháp luật được chủ thể viết đơn chấp nhận thực hiện trên tổng số đơn thư được giải quyết)*	*1.5*
III	**CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC, TẬP THỂ**	**10**
1	Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, quy chế văn hóa công sở *Ban hành đầy đủ văn bản, không có công chức vi phạm (được xác định bởi văn bản của cơ quan thẩm quyền) đạt 5 điểm; mỗi văn bản không ban hành hoặc mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm cho đến khi hết số điểm của tiêu chí*	5
2	Ban hành và thực hiện tốt các quy định về công tác dân chủ, dân vận chính quyền trong cơ quan; quy chế về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác đảm bảo an ninh trật tự; thi đua - khen thưởng *Ban hành đầy đủ văn bản quy định và thực hiện tốt đạt 05 điểm; mỗi văn bản không ban hành hay thực hiện không tốt thì trừ 01 điểm cho đến khi hết số điểm của tiêu chí*	5
IV	**KẾT QUẢ KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA**	**6**
1	Xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc được chỉ ra tại các cuộc kiểm tra trong năm	3
2	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm *Điểm = (Tỷ lệ % hạn chế được khắc phục * 3 điểm)/100*	3
V	**ĐIỂM THƯỞNG**	**6**
1	Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, mô hình phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết, hoàn thành các công việc trọng tâm, trọng điểm, công việc phát sinh, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại ghi nhận *(mỗi công việc, nhiệm vụ được thưởng 1 điểm)*	Không quá 2 điểm

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
2	Là cơ quan chủ trì có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng *(mỗi đề tài, dự án, giải pháp, bằng Lao động sáng tạo được cộng 1 điểm)*	Không quá 2 điểm
3	Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định	Không quá 2 điểm
VI	**ĐIỂM TRỪ**	
1	Xây dựng, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải thực hiện đính chính, bị đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản do trái quy định của pháp luật *(theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền): Mỗi văn bản trừ 1 điểm.*	
2	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp *(trừ đơn, thư nặc danh)* được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh: *Mỗi trường hợp trừ 1 điểm; nếu giải quyết đúng một phần thì trừ 0,5 điểm.*	
3	Không tập trung giải quyết hoặc giải quyết không hiệu quả đơn khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu nại, tố cáo kéo dài, đông người phải giải quyết nhiều lần: *Mỗi trường hợp trừ 2 điểm.*	
4	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền: *Mỗi trường hợp trừ 2 điểm.*	
5	Có gợi ý kiểm điểm, phê bình của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức kỷ luật: *Mỗi lần trừ 1 điểm.*	
6	Có văn bản của UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao: *Mỗi lần trừ 1 điểm.*	
7	Có công chức thuộc cơ quan hoặc người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên: *Mỗi trường hợp trừ 1 điểm.*	
8	Có công chức thuộc cơ quan hoặc người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bị khởi tố: *Mỗi trường hợp trừ 3 điểm.*	
9	Kết quả tự đánh giá xếp loại của cơ quan có số điểm cao hơn điểm sau khi thẩm định của Hội đồng thẩm định *(cao hơn từ 5 đến 10 điểm thì bị trừ 1 điểm; cao hơn trên 10 điểm thì bị trừ 2 điểm, tuy nhiên không trừ quá 2 điểm).*	
10	Những trường hợp khác do Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại xem xét, quyết định *(trừ không quá 2 điểm).*	
	TỔNG ĐIỂM = (I + II + III + IV + V) - VI	

Phụ lục 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO**	**76**
1	Kết quả thực hiện chương trình/Kế hoạch công tác năm của đơn vị *(Điểm = (Tỷ lệ % kết quả thực hiện * 30 điểm)/100*	30
2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh giao	8
2.1	*Nhiệm vụ được theo dõi, đánh giá trên phần mềm theo dõi chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh* *Điểm = (Tỷ lệ % kết quả thực hiện đúng hạn *4 điểm)/100*	4
2.2	*Nhiệm vụ không theo dõi trên phần mềm theo dõi, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh* *Điểm = (Tỷ lệ % kết quả thực hiện đúng hạn * 4 điểm)/100*	4
3	Giải ngân các nguồn vốn được giao *Điểm = (Tỷ lệ % giải ngân vốn đầu tư công * 15 điểm)/100*	15
4	Nâng mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP so với giai đoạn trước *Cứ tăng được 5% thì được 01 điểm, tối đa không quá 10 điểm*	10
5	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về: thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán *(có báo cáo chuyên đề)*	4
6	Thực hiện tốt sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan trong các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước	2
7	Phổ biến, quán triệt, hướng dẫn các văn bản mới của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ *Điểm = (Tỷ lệ % giữa ban hành văn bản với số lượng văn bản mới * 3 điểm)/100*	3
8	Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo tháng, quý, 06 tháng, năm đảm bảo chất lượng, thời gian *Điểm = (Tỷ lệ % giữa báo cáo đạt chất lượng, đúng thời gian trên tổng số báo cáo định kỳ phải thực hiện * 4 điểm)/100*	4
II	**CÔNG TÁC TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH**	**6**
1	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định	3
2	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền	3
2.1	*Tiếp nhận và xử lý đơn thư thuộc thẩm quyền (tỷ lệ đơn thư được giải quyết/đơn thư tiếp nhận đúng thẩm quyền giải quyết)*	*1.5*

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
2.2	*Kết quả giải quyết đơn thư (tỷ lệ đơn thư giải quyết đúng quy định của pháp luật được chủ thể viết đơn chấp nhận thực hiện/tổng số đơn thư được giải quyết)*	*1.5*
III	**CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC, TẬP THỂ**	**6**
1	Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị, quy chế văn hóa công sở *Ban hành đầy đủ văn bản và không có viên chức vi phạm đạt 3 điểm, mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm cho đến khi hết số điểm của tiêu chí*	3
2	Ban hành và thực hiện tốt các quy định về Công tác dân chủ, dân vận chính quyền trong đơn vị; Quy chế về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Công tác đảm bảo an ninh trật tự; thi đua khen - thưởng *Ban hành đầy đủ văn bản quy định và thực hiện tốt thì đạt 3 điểm; Không ban hành đầy đủ và thực hiện không tốt thì không đạt điểm*	3
IV	**KẾT QUẢ KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA**	**6**
1	Xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm *(hạn chế, yếu kém đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc tại các cuộc kiểm tra trong năm)*	3
2	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm *Điểm = (Tỷ lệ % hạn chế được khắc phục * 3 điểm)/100*	3
V	**ĐIỂM THƯỞNG**	**6**
1	Các đơn vị sự nghiệp công lập có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc phục vụ công tác quản lý nhà nước; trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc có sáng kiến được công nhận có hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh trở lên hoặc được cấp bằng Lao động sáng tạo *(mỗi đề tài, dự án, giải pháp, bằng Lao động sáng tạo được cộng 1 điểm)*	Không quá 2 điểm
2	Cơ quan chủ động thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong và tinh giản số người làm việc so với quy định/định mức giao	Không quá 1 điểm
3	Có trang thông tin điện tử của đơn vị và thường xuyên cung cấp thông tin	Không quá 1 điểm
4	Những trường hợp khác do Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định	Không quá 2 điểm
VI	**ĐIỂM TRỪ**	
1	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp *(trừ đơn, thư nặc danh)* được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh: *Mỗi trường hợp trừ 1 điểm; giải quyết đúng một phần thì trừ 0,5 điểm.*	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
2	Cơ quan, đơn vị có gợi ý kiểm điểm, phê bình của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức kỷ luật: *Mỗi lần trừ 1 điểm.*	
3	Có viên chức vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên: *Mỗi trường hợp trừ 1 điểm.*	
4	Có viên chức bị khởi tố: *Mỗi trường hợp trừ 3 điểm.*	
5	Kết quả tự đánh giá xếp loại của cơ quan có số điểm chênh lệch cao hơn điểm thẩm định của Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại từ 5 đến 10 điểm thì bị trừ 1 điểm, từ trên 10 điểm thì bị trừ 2 điểm (trừ không quá 2 điểm)	
6	Những trường hợp khác do Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại xem xét, quyết định *(trừ không quá 2 điểm)*	
	TỔNG ĐIỂM = (I + II + III + IV + V) - VI	

Phụ lục 3

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH**	**76**
1	Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế	18
-	*Giá trị sản xuất theo giá hiện hành khu vực nông lâm nghiệp*	*3*
-	*Giá trị sản xuất công nghiệp; Giá trị sản xuất ngành xây dựng; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ*	*3*
-	*Tốc độ tăng trưởng bình quân đàn gia súc*	*3*
-	*Xây dựng Nông thôn mới*	*3*
-	*Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn*	*6*
2	Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về Văn hóa - Xã hội	29
2.1	*Chỉ tiêu về văn hóa, thể thao và du lịch*	*5*
-	*Số gia đình đạt chuẩn văn hóa*	*2*
-	*Số thôn bản đạt chuẩn văn hóa*	*2*
-	*Thôn, bản có nhà văn hóa và điểm sinh hoạt cộng đồng*	*1*
2.2	*Chỉ tiêu về Giáo dục và đào tạo*	*4*
-	*Số trường đạt chuẩn Quốc gia ở 03 cấp (Mầm non, Tiểu học, THCS)*	*2*
-	*Tỷ lệ huy động cấp mầm non (từ 03 tháng đến dưới 36 tháng, từ 03 tuổi đến dưới 05 tuổi tuổi và trẻ em 05 tuổi), Tiểu học, THCS*	*2*
2.3	*Chỉ tiêu về giảm nghèo bền vững, lao động, việc làm*	*6*
-	*Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo*	*3*
-	*Số lao động được giải quyết việc làm/số lao động trong độ tuổi*	*1.5*
-	*Tỷ lệ lao động qua đào tạo/tổng số lao động*	*1.5*
2.4	*Chỉ tiêu về Y tế*	*6*
-	*Số giường bệnh/10.000 dân*	*1.5*
-	*Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân*	*1.5*
-	*Số xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế*	*1.5*
-	*Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế*	*1.5*
2.5	*Bảo vệ môi trường*	*6*
-	*Tỷ lệ che phủ rừng*	*2*
-	*Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh*	*2*
-	*Chất thải rắn được thu gom, xử lý*	*2*

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
2.6	*Chăm sóc và bảo vệ trẻ em*	*2*
-	*Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp tại cộng đồng*	*1*
-	*Trẻ em mồ côi được nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh/ làng trẻ SOS/ cộng đồng*	*1*
3	Công tác Quốc phòng - An ninh	7
-	*Công tác giao, nhận quân*	*1*
-	*Công tác Quân sự Quốc phòng địa phương*	*2*
-	*Giảm tai nạn giao thông (bao gồm giảm số vụ và giảm người tử vong do tai nạn giao thông)*	*2*
-	*Công tác đảm bảo an ninh trật tư,an toàn xã hội*	*2*
4	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công *Đạt từ 90% trở lên tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ% giải ngân * 9 điểm)/100. Đạt dưới 90% tính 0 điểm.*	9
5	Kết quả thực hiện Cải cách hành chính *Điểm = (Tỷ lệ % điểm của chỉ số CCHC * 5 điểm)/100*	5
6	Kết quả thực hiện chuyển đổi số *Điểm = (Tỷ lệ % điểm của Chỉ số chuyển đổi số * 5 điểm)/100*	5
7	Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền *Điểm = (Tỷ lệ % giữa văn bản được ban hành với số văn bản đã được chấp thuận trong năm *3 điểm)/100*	3
II	**CÔNG TÁC TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH**	**6**
1	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định	3
2	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền	3
2.1	*Tiếp nhận và xử lý đơn thư thuộc thẩm quyền (tỷ lệ đơn thư được giải quyết/đơn thư tiếp nhận đúng thẩm quyền giải quyết)*	*1.5*
2.2	*Kết quả giải quyết đơn thư (tỷ lệ đơn thư giải quyết đúng quy định của pháp luật được chủ thể viết đơn chấp nhận thực hiện/tổng số đơn thư được giải quyết)*	*1.5*
III	**CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC, TẬP THỂ**	**8**
1	Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, quy chế văn hóa công sở *Ban hành đầy đủ văn bản và không có công chức vi phạm đạt 5 điểm; mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm cho đến khi hết số điểm của tiêu chí*	5
2	Ban hành và thực hiện tốt các quy định về: Công tác dân chủ, dân vận chính quyền trong cơ quan; Quy chế về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Công tác đảm bảo an ninh trật tự; thi đua khen - thưởng *Ban hành đầy đủ văn bản quy định và thực hiện tốt thì 3 điểm; mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm cho đến khi hết số điểm của tiêu chí*	3

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
IV	**KẾT QUẢ KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA**	**4**
1	Xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm *(hạn chế, yếu kém đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc tại các cuộc kiểm tra trong năm)*	1
2	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm *Điểm = (Tỷ lệ % hạn chế được khắc phục * 3 điểm)/100*	3
V	**ĐIỂM THƯỞNG**	**6**
1	Có thành tích xuất sắc, nổi bật hoặc có sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao trong quản lý nhà nước, cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính, ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số góp phần phát triển KTXH của tỉnh được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ghi nhận: *Mỗi sáng kiến, giải pháp hoặc đề xuất được thưởng 1.0 điểm.*	Không quá 3 điểm
2	Điểm thưởng vượt chỉ tiêu kế hoạch: *Mỗi tiêu chí thành phần tại mục I vượt chỉ tiêu trên 20% thì được cộng 0,5 điểm/tiêu chí vượt; các tiêu chí vượt chỉ tiêu từ 20% trở xuống thì mỗi tiêu chí vượt chỉ tiêu được cộng 0,1 điểm.*	Không quá 3 điểm
VI	**ĐIỂM TRỪ**	
1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền) phải đính chính, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, bị ngưng hiệu lực, bị đình chỉ việc thi hành: *Mỗi văn bản trừ 1 điểm.*	
2	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh: *Mỗi trường hợp trừ 1 điểm; giải quyết đúng một phần thì trừ 0,5 điểm.*	
3	Không tập trung giải quyết hoặc giải quyết không hiệu quả đơn khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu nại, tố cáo kéo dài, đông người phải giải quyết nhiều lần: *Mỗi trường hợp trừ 2 điểm.*	
4	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền: *Mỗi trường hợp trừ 2 điểm.*	
5	Cơ quan, đơn vị có gợi ý kiểm điểm, phê bình của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức kỷ luật: *Mỗi lần trừ 1 điểm.*	
6	Bị Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao: *Mỗi lần trừ 1 điểm.*	
7	Có cán bộ lãnh đạo, quản lý; công chức, viên chức thuộc quyền quản lý bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên: *Mỗi trường hợp trừ 01 điểm.* Công chức, viên chức thuộc quyền quản lý bị khởi tố thì *trừ 03 điểm/vụ việc.*	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
8	Cơ quan, đơn vị trực thuộc xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí có sai phạm bị khởi tố hoặc có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ thì *bị trừ 05 điểm.*	
9	Kết quả tự đánh giá xếp loại của cơ quan có số điểm chênh lệch cao hơn điểm thẩm định của Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại *từ 5 đến 10 điểm bị trừ 1 điểm, từ 10 điểm trở lên trừ 2 điểm (trừ không quá 2 điểm).*	
10	Những trường hợp khác do Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại xem xét, quyết định *(trừ không quá 2 điểm).*	
	TỔNG ĐIỂM = (I + II + III + IV + V) - VI	